

Số: **90/2020/QĐST-HNGĐ**

Phong Điền, ngày 03 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ khoản 3 Điều 212, Điều 213, Điều 361, khoản 4 Điều 207, Khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 367 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau đây:

1. Chị Lê Thị Diệu T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện P, tỉnh T.

2. Anh Ngô Thành N, sinh năm 1982; Địa chỉ liên lạc: Khu 06, tổ 88-325 Phạm Ngọc T, thành phố T, tỉnh B.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng nhận thấy: Chị Lê Thị Diệu T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là thôn G, xã Đ, huyện P, tỉnh T. Trên cơ sở yêu nhau tự nguyện, anh N và chị T đã được UBND xã Đ, huyện P đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 16/8/2007 là hôn nhân hợp pháp.

Vì vậy, anh chị có quyền yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” và được Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, anh N đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt anh N và yêu cầu Tòa án công nhận cho anh N và chị T được thuận tình ly hôn; Về con, anh N xác nhận vợ chồng có một con chung là Ngô Thành Đ, sinh ngày 10/01/2008, hiện đang ở với mẹ và thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng, anh N không có ý kiến yêu cầu gì; Về tài sản, nợ chung, anh N xác nhận không có; Về án phí thì giao cho chị T nộp đủ. Anh N xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai

chứng cứ và phiên hòa giải đoàn tụ, đồng thời yêu cầu Tòa án ghi nhận ý chí của mình như nội dung trong đơn đã trình bày.

Xét đơn trình bày của anh Ngô Thành N đã được công chứng hợp pháp, nội dung yêu cầu trong đơn phù hợp với các quy định tại Điều 361, khoản 3 Điều 212, khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208, khoản 2 Điều 367 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự nên “yêu cầu xin vắng mặt của anh N” được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của anh N và chị T nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng nên vợ chồng đã sống ly thân gần 07 năm. Nguyên nhân, do vợ chồng có sự khác biệt về tính cách và về quan điểm trong việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình. Tuy đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh N và chị T đều nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn và không thể hàn gắn nên cùng tự nguyện yêu cầu Tòa án “Công nhận thuận tình ly hôn” là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các đương sự xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Ngô Thành Đ, sinh ngày 10/01/2008 và thỏa thuận giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng; Tại Tòa án, cháu Đ trình bày “nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ” là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về tài sản, nợ chung: Các đương sự cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Số tiền phải nộp là 300.000.đ, các đương sự thỏa thuận giao cho chị T nộp đủ.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Thành N và chị Lê Thị Diệu T.

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Ngô Thành Đ, sinh ngày 10/01/2008 (hiện đang ở với mẹ) kể từ tháng 9 năm 2020 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Ngô Thành N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

- Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Diệu T phải nộp 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000.đ theo phiếu thu lệ phí số: 0000971 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền là đủ không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Điền Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án HNGĐ.

THẨM PHÁN

Hồ Xuân Đàm